

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phèo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1188/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Hẻm số 398, tổ 100A, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm số 398, tổ 100A, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/7/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/02/2015. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở Nghệ An, đến năm 2015 hôn ông bà mới chuyển vào Cử Chi sống chung với gia đình của bà. Sau một khoảng thời gian chung sống với nhau, bà nhận thấy giữa bà và ông N có nhiều sự khác biệt và cách sống và quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông N có quan hệ với người phụ nữ

khác và đã có con chung với người ta. Ông, bà đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà L trình bày giữa ông bà có một con chung tên Nguyễn Văn Bảo K, sinh ngày 08/8/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Bà L trình bày không có.

Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/7/2019, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại: Hẻm số 398, tổ 100A, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/02/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị L thì sau kết hôn giữa bà và ông N đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm nhận thấy hạnh phúc nên thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con chung với người ta. Ông, bà đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Ông N đã được Tòa triệu tập nhưng ông không đến Tòa, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ ông N không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông N đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo giấy Trích lục khai sinh số 158/TLKS-BS ngày 03/5/2018 thể hiện giữa bà L và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Văn Bảo K, sinh ngày 08/8/2013. Bà L trình bày trẻ K hiện đang sống chung với ông bà nội, bà L có yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Xét trẻ K vẫn còn rất nhỏ, cần có sự thương yêu, chăm sóc trực tiếp của cha mẹ, mặc khác theo bà L trình bày thì hiện nay ông N cũng đã có con riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 01 con chung cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà L tạm thời không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà L trình bày không có.

Ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông N có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Kể từ ngày 16/01/2020, Giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/02/2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Bảo K, sinh ngày 08/8/2013.

Bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có.

Nếu ông N có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0022 713 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phèo